

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**

**Tháng 08 năm 2016**



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 37

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 từ trang 05 đến trang 37 kèm theo.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản Trị

Ông Nguyễn Đình Hùng	Chủ tịch - Người đại diện theo pháp luật
Ông Lưu Quang Lãm	Phó chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Thành viên
Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thùy Trang	Trưởng Ban
Bà Trần Dương Ngọc Thảo	Thành viên
Bà Phạm Phương Linh	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hứa Kiến Trung	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong trong giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Phùng Danh Nguyên.

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 kèm theo.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám Đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám Đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám Đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám Đốc,



**Nguyễn Đình Hùng**  
**Tổng Giám Đốc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>230.584.791.095</b>	<b>178.068.657.871</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	87.658.145.575	77.320.460.575
Tiền	111		47.658.145.575	57.320.460.575
Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	20.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>14</b>	<b>10.000.000.000</b>	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>125.879.690.185</b>	<b>88.548.419.241</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	106.194.820.900	88.205.636.071
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		18.756.924.289	5.310.067.403
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	15.306.595.710	9.646.026.709
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(14.378.650.714)	(14.613.310.942)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>6.690.424.551</b>	<b>7.705.674.468</b>
Hàng tồn kho	141	8	6.690.424.551	7.705.674.468
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>356.530.784</b>	<b>4.494.103.587</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	135.916.126	251.970.484
Thuế GTGT được khấu trừ	152		220.614.658	4.242.133.103
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>167.807.047.204</b>	<b>132.732.503.821</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>15.003.379.327</b>
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	15.003.379.327
Phải thu dài hạn khác	216	7	14.600.000.000	14.600.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(14.600.000.000)	(14.600.000.000)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>163.147.736.098</b>	<b>116.301.070.079</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	163.147.736.098	116.301.070.079
- Nguyên giá	222		300.481.685.862	237.463.167.243
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(137.333.949.764)	(121.162.097.164)
Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
- Nguyên giá	228		774.068.000	774.068.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(774.068.000)	(774.068.000)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.607.431.334</b>	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	3.607.431.334	-
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>190.000.000</b>	<b>190.000.000</b>
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		190.000.000	190.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>861.879.772</b>	<b>1.238.054.415</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	411.543.943	738.432.595
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		450.335.829	499.621.820
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>398.391.838.299</b>	<b>310.801.161.692</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>127.325.667.436</b>	<b>107.658.980.135</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>115.764.688.558</b>	<b>107.658.980.135</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	33.778.647.516	30.288.680.213
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		307.189.784	371.737.830
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	9.614.054.997	7.463.749.220
Phải trả người lao động	314		60.100.054.596	62.375.796.668
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	4.590.418.137	401.460.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	3.153.167.910	2.536.400.586
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.221.155.618	4.221.155.618
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>11.560.978.878</b>	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		9.363.917.628	-
Phải trả dài hạn khác	337	18	2.197.061.250	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>271.066.170.863</b>	<b>203.142.181.557</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>271.066.170.863</b>	<b>203.142.181.557</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		196.673.160.000	140.508.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		196.673.160.000	140.508.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(133.000.000)	(28.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		7.139.777.265	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67.386.233.598	62.662.181.557
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		204.132.755	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		67.182.100.843	62.662.181.557
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>398.391.838.299</b>	<b>310.801.161.692</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu



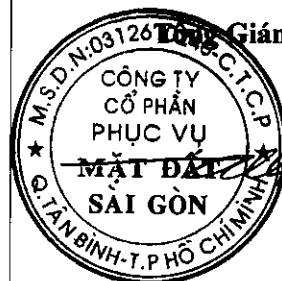
**Đặng Thị Minh Nguyệt**

Kế toán trưởng



**Phùng Danh Nguyên**

Giám Đốc



**Nguyễn Đình Hùng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	326.014.583.503	261.255.914.868
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		326.014.583.503	261.255.914.868
Giá vốn hàng bán	11	22	212.171.013.011	178.651.197.094
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		113.843.570.492	82.604.717.774
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.454.998.480	1.879.273.398
Chi phí tài chính	22	24	974.974.854	288.890.953
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	21.923.341.264	44.906.974.418
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		92.400.252.855	39.288.125.801
Thu nhập khác	31	27	81.580.290	5.297.673
Chi phí khác	32	28	88.526.060	574.000
Lợi nhuận khác	40		(6.945.770)	4.723.673
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		92.393.307.085	39.292.849.474
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	18.477.426.788	8.962.472.353
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	49.285.991	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		73.866.594.306	30.330.377.121

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu

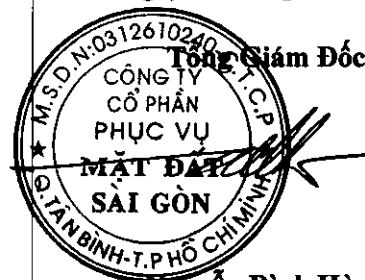


**Đặng Thị Minh Nguyệt**

Kế toán trưởng



**Phùng Danh Nguyên**



**Nguyễn Đình Hùng**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Phương pháp gián tiếp)*  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		92.393.307.085	39.292.849.474
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		16.171.852.600	10.711.232.966
Các khoản dự phòng	03		(234.660.228)	26.455.836.355
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền	04		189.068.473	(346.025.728)
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(572.710.256)	(291.830.688)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>107.946.857.674</b>	<b>75.822.062.379</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(18.304.398.808)	3.726.765.507
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		1.015.249.917	(430.357.142)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		34.930.748.326	(24.354.558.694)
(Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12		442.943.010	275.025.289
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.098.420.867)	(12.547.232.609)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.837.605.000)	(169.546.181.527)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh</b>	<b>20</b>		<b>104.095.374.252</b>	<b>(127.054.476.797)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(84.269.016.898)	(10.823.164.179)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	14.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		693.043.573	595.353.553
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(93.575.973.325)</b>	<b>3.772.189.374</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**  
*(Phương pháp gián tiếp)*  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(105.000.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(16.900.756.172)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(105.000.000)</b>	<b>(16.900.756.172)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>10.414.400.927</b>	<b>(140.183.043.595)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>77.320.460.575</b>	<b>210.659.059.914</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(76.715.927)	97.012.991
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>87.658.145.575</b>	<b>70.573.029.310</b>

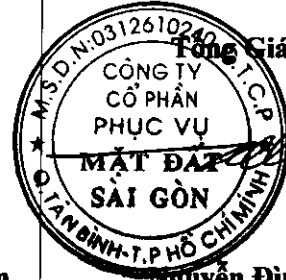
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu

Đặng Thị Minh Nguyệt

Kế toán trưởng

Phùng Danh Nguyên



Tổng Giám Đốc

Nguyễn Đình Hùng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0312610240 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2014 và thay đổi lần thứ ba vào ngày 18 tháng 07 năm 2016.

Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN.**

Trụ sở chính: Số 58 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp là 196.673.160.000 đồng.

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại Mặt đất.

**1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, chi tiết:

- Trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại các cảng hàng không sân bay;
- Khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị, thiết bị cảng hàng không, sân bay;
- Cung ứng các dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác;
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ khoa học, công nghệ trong và ngoài nước;
- Cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất;
- Cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa;
- Mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không;
- Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không;
- Cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay;
- Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay;
- Kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa;
- Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)/.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ kỹ thuật thương mại Mặt đất. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục trong một tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ kỹ thuật thương mại Mặt đất. Các chính sách về giá, chính sách giảm giá của Công ty sẽ ảnh hưởng đến doanh thu. Ngoài ra, việc Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

**1.6 CẤU TRÚC CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty không có các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết.

Chi nhánh Đà Nẵng là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0312610240-001 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2015. Địa chỉ tại: Cảng Hàng Không Quốc Tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.

Chi nhánh Cam Ranh là đơn vị hạch toán độc lập của Công ty, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0312610240-002 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 05 năm 2016. Địa chỉ tại: Cảng Hàng Không Quốc Tế Cam Ranh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán. Và số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty đã được soát xét.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) và Thông tư 53/2016/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty (nếu có) được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.5 NGUYÊN TẮC Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Đối với các tài sản cố định hoàn thành và đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao. Khi có quyết toán được duyệt sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích mà sẽ điều chỉnh giá trị khấu hao (tăng hoặc giảm) tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Đối với các tài sản cố định hữu hình hiện có tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, nguyên giá của các tài sản này được ghi nhận theo giá được đánh giá lại theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên Phục vụ Mặt đất Sài Gòn tại thời điểm 31/03/2014 đã được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt tại Quyết định số 2189/QĐ-BGTVT ngày 10/06/2014.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 08
Thiết bị Văn phòng	04 - 06

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá, bao gồm bản quyền máy tính được khấu hao trong 3 năm và phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 5 năm.

**4.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.7 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các chi phí sử dụng vô tuyến điện tử, phí cước Metrowan, phí sử dụng phần mềm mail server và các chi phí khác có thời hạn phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ được đánh giá lại qua xác định giá trị doanh nghiệp, chi phí bản quyền phần mềm Kaspersky được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

**4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả được ghi nhận là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

**4.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp, không ghi nhận theo số cam kết, số phải thu của các chủ sở hữu. Khi nhà đầu tư góp vốn bằng ngoại tệ theo tiến độ, Công ty sẽ áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại từng thời điểm thực góp để quy đổi ra Việt Nam Đồng và ghi nhận vào vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần (nếu có).

Trường hợp nhận vốn góp bằng tài sản thì phản ánh tăng Vốn đầu tư của chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu riêng như sau: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần: Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi. Còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Vốn khác của Chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (khi các khoản này được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

**4.10 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Lợi nhuận được phân phối theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.11 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm: Dịch vụ hàng không (cho thuê quầy làm thủ tục, kéo đẩy máy bay, phục vụ mặt đất, dịch vụ hàng không khác) và Dịch vụ phi hàng không (Phục vụ khách VIP, F, C; dịch vụ đào tạo; dịch vụ hành lý, hàng hóa và dịch vụ phi hàng không khác).

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán).

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

**4.12 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN NGOẠI TỆ**

Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong các giao dịch kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh TP.HCM.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận doanh thu và nợ phải thu là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh TP.HCM.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh TP.HCM tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ (nếu có) cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.13 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay Quốc tế thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng với thuế suất 0%; doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay Quốc nội chịu thuế suất 10%; doanh thu cung cấp dịch vụ đào tạo không chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện giá trị của số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và số thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán là 20%. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác và các khoản nợ.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Dịch vụ của Công ty cung cấp là dịch vụ đặc thù của ngành hàng không, phần lớn khách hàng sử dụng dịch vụ trọn gói, các dịch vụ tách rời và dịch vụ phụ không đáng kể, vì vậy Công ty đã không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/06/2016.

**4.16 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.16 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP, các Công ty trực thuộc Tổng Công ty, các Công ty con, Công ty liên kết do Tổng Công ty đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 30/06/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Tiền mặt	241.115.500	-
Tiền gửi ngân hàng	47.417.030.075	57.320.460.575
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	20.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>87.658.145.575</b>	<b>77.320.460.575</b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại 30/06/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>		
- Công ty Cổ phần Hàng Không VietJet	37.921.528.784	30.829.000.228
- Công ty Cổ phần Hàng không Mê Kông (*)	5.508.337.650	5.508.337.650
- Transaero Airlines (*)	2.870.313.064	3.104.973.292
- Các khoản phải thu khách hàng khác	59.894.641.402	48.763.324.901
<b>Cộng</b>	<b>106.194.820.900</b>	<b>88.205.636.071</b>
<b>b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>		
- Công ty CP DV Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất	38.606.920	56.137.939
- Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Dưỡng Máy Bay Cảng Hàng Không Miền Nam	64.000.000	42.000.000
<b>Cộng</b>	<b>102.606.920</b>	<b>98.137.939</b>

(\*) Năm 2015, Công ty đã xem xét lập dự phòng 100% nợ công nợ phải thu khó đòi của Công ty Cổ phần Hàng không Mê Kông và Transaero Airlines.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN**  
Số 58 Trường Sơn, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>15.306.595.710</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>9.646.026.709</b>	<b>6.000.000.000</b>
- Công ty cho thuê Tài chính II - Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam (*)	8.053.351.591	-	-	-
- Thuế GTGT chờ được hoàn	-	-	2.709.820.889	-
- Tạm ứng Công trình	-	-	45.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	363.460.758	-
- Chi hộ các hãng hàng không	318.582.657	-	-	-
- Tạm ứng	484.336.550	-	-	-
- Bảo hiểm xã hội	279.071.000	-	151.110.597	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	132.444.445	-	252.777.762	-
- Phải thu khác	38.809.467	-	123.856.703	-
<b>Dài hạn</b>	<b>14.600.000.000</b>	<b>14.600.000.000</b>	<b>14.600.000.000</b>	<b>14.600.000.000</b>
- Công ty Cho Thuê Tài Chính II - Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam (*)	14.600.000.000	14.600.000.000	14.600.000.000	14.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>29.906.595.710</b>	<b>20.600.000.000</b>	<b>24.246.026.709</b>	<b>20.600.000.000</b>

(\*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả gốc và lãi) đã quá hạn thanh toán. Theo kết luận của tòa án, Công ty Cho Thuê Tài Chính II - Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam có nghĩa vụ trả phần gốc và lãi kể từ ngày 10/07/2014, số tiền trả mỗi tháng ít nhất là 500.000.000 đồng. Năm 2015, Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi của khoản nợ nêu trên và trích lập dự phòng 100% nợ phải thu khó đòi với giá trị lũy kế đến 30/06/2016 là 20.600.000.000 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN**  
Số 58 Trường Sơn, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.591.211.195	-	6.439.916.112	-
Công cụ, dụng cụ	99.213.356	-	1.265.758.356	-
<b>Cộng</b>	<b>6.690.424.551</b>	<b>-</b>	<b>7.705.674.468</b>	<b>-</b>

**9. NỢ XẤU**

	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	28.978.650.714	-	29.213.310.942	-
+ Công ty Cho Thuê Tài Chính II - Ngân hàng NN và PTNT Việt	20.600.000.000	-	20.600.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Hàng Không Mê Kông	5.508.337.650	-	5.508.337.650	-
+ Transaero Airlines	2.870.313.064	-	3.104.973.292	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>									
Tại 01/01/2016	19.187.037.253	7.868.342.623	199.284.358.390	11.123.428.977	237.463.167.243				
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	9.492.464.850	-	-	-	9.492.464.850				
- Mua trong kỳ	-	-	53.463.053.769	63.000.000	53.526.053.769				
Tại 30/06/2016	28.679.502.103	7.868.342.623	252.747.412.159	11.186.428.977	300.481.685.862				
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>									
Tại 01/01/2016	(559.093.330)	(4.115.466.594)	(108.939.260.296)	(7.548.276.944)	(121.162.097.164)				
- Khấu hao trong kỳ	(569.877.102)	(620.869.103)	(14.344.020.475)	(637.085.920)	(16.171.852.600)				
Tại 30/06/2016	(1.128.970.432)	(4.736.335.697)	(123.283.280.771)	(8.185.362.864)	(137.333.949.764)				
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>									
Tại 01/01/2016	18.627.943.923	3.752.876.029	90.345.098.094	3.575.152.033	116.301.070.079				
Tại 30/06/2016	27.550.531.671	3.132.006.926	129.464.131.388	3.001.066.113	163.147.736.098				

- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30/06/2016 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng.

- Nguyên giá nhà cửa và vật kiến trúc tăng trong kỳ là giá tạm tính tăng của công trình xưởng sửa chữa và phục vụ trên tàu SAGS. Năm 2016, công trình đã được quyết toán và đang thực hiện các thủ tục kiểm toán quyết toán công trình.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Bản quyền bằng sáng chế VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2016	514.288.000	259.780.000	774.068.000
Tại 30/06/2016	514.288.000	259.780.000	774.068.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Tại 01/01/2016	(514.288.000)	(259.780.000)	(774.068.000)
- Khấu hao trong kỳ		-	-
Tại 30/06/2016	(514.288.000)	(259.780.000)	(774.068.000)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2016	-	-	-
Tại 30/06/2016	-	-	-

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30/06/2016 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 774.068.000 đồng.

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

	Tại 30/06/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Công trình xây dựng xưởng sửa chữa và phục vụ trên tàu	3.607.431.334	-
<b>Cộng</b>	<b>3.607.431.334</b>	<b>-</b>

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 30/06/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>135.916.126</b>	<b>251.970.484</b>
- Chi phí dịch vụ vô tuyến điện tử	50.216.328	88.120.000
- Phí cước Metrowan	36.441.030	73.705.589
- Phần mềm mail server	19.851.041	59.773.691
- Phí dịch vụ khác	29.407.727	30.371.204
<b>Dài hạn</b>	<b>411.543.943</b>	<b>738.432.595</b>
- Giá trị công cụ dụng cụ tăng qua xác định giá trị doanh nghiệp	303.637.356	607.274.723
- Bản quyền phần mềm Kaspersky	107.906.587	131.157.872
<b>Cộng</b>	<b>547.460.069</b>	<b>990.403.079</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.000.000.000	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (*)	10.000.000.000	-	-	-
b) Đầu tư tài chính dài hạn	190.000.000	-	190.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty CP DV Tổng hợp Sài Gòn (**)	190.000.000	-	190.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>190.000.000</b>	<b>-</b>	<b>190.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có kỳ hạn gốc 98 ngày.

(\*\*) Là khoản góp vốn vào Công ty CP DV Tổng hợp Sài Gòn với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 19%.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN**  
Số 58 Trường Sơn, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
- Cảng Hàng Không Quốc Tế Tân Sơn Nhất - CN Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	25.912.286.833	25.912.286.833	24.125.850.575	24.125.850.575
- Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	2.315.287.332	2.315.287.332	1.718.527.654	1.718.527.654
- Công ty cổ phần thiết kế - giám sát - xây dựng Hoàn Thiện	3.904.296.385	3.904.296.385	-	-
- Các đối tượng khác	1.646.776.966	1.646.776.966	4.444.301.984	4.444.301.984
<b>Cộng</b>	<b>33.778.647.516</b>	<b>33.778.647.516</b>	<b>30.288.680.213</b>	<b>30.288.680.213</b>
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
- Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	2.315.287.332	2.315.287.332	1.718.527.654	1.718.527.654
- Cảng Hàng Không Quốc Tế Tân Sơn Nhất - CN Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	25.912.286.833	25.912.286.833	24.125.850.575	24.125.850.575
- Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất	65.304.800	65.304.800	3.790.000	3.790.000
- Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Dưỡng Máy Bay Cảng Hàng Không Miền Nam	-	-	4.270.000	4.270.000
- Công ty CP Thương Mại Hàng Không Miền Nam	9.838.000	9.838.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>28.302.716.965</b>	<b>28.302.716.965</b>	<b>25.852.438.229</b>	<b>25.852.438.229</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại 30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.861.431.930	18.477.426.788	14.815.953.466	9.522.905.252
Thuế Thu nhập cá nhân	1.602.317.290	4.216.560.047	5.727.727.592	91.149.745
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế nhà thầu	-	2.619.374	2.619.374	-
<b>Cộng</b>	<b>7.463.749.220</b>	<b>22.699.606.209</b>	<b>20.549.300.432</b>	<b>9.614.054.997</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí nghỉ mát	1.200.000.000	-
- Thù lao HĐQT và BKS	159.000.000	159.000.000
- Chi phí trang phục ngành	1.775.117.182	-
- Chi phí bảo hộ lao động	158.499.000	-
- Chi phí bồi dưỡng độc hại và khám sức khỏe	755.341.955	-
- Chi phí sử dụng Sita	542.460.000	242.460.000
<b>Cộng</b>	<b>4.590.418.137</b>	<b>401.460.000</b>

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3.153.167.910</b>	<b>2.536.400.586</b>
- Kinh phí công đoàn	993.092.480	464.897.594
- Bảo hiểm y tế	188.793.000	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	83.964.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.364.952.500
- Phải trả tiền vé, hoa hồng bán vé đã thu hộ	473.980.747	371.820.387
- Phải trả tiền ốm đau thai sản	6.385.330	176.360.630
- Công ty cổ phần thiết kế - giám sát - xây dựng Hoàn Thiện	889.209.564	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	517.742.789	158.369.475
<b>b) Dài hạn</b>	<b>2.197.061.250</b>	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.197.061.250	-
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Tỷ lệ	Tại 30/06/2016	Tỷ lệ	Tại 01/01/2016
	%	Giá trị VND	%	Giá trị VND
Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	55,52%	109.197.310.000	55,51%	77.998.080.000
Công Ty CP Đầu Tư Khai Thác Cảng	13,00%	25.572.450.000	13,00%	18.266.040.000
Công ty Cổ Phần Hàng Không Vietjet	4,00%	7.868.440.000	4,00%	5.620.320.000
Công ty CP TMDV Hoàn Lộc Việt	2,25%	4.429.090.000	2,25%	3.163.640.000
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	17,45%	34.315.280.000	17,44%	24.510.920.000
Các cổ đông khác	7,73%	15.195.590.000	7,78%	10.929.000.000
Cổ phiếu quỹ	0,05%	95.000.000	0,01%	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>196.673.160.000</b>	<b>100%</b>	<b>140.508.000.000</b>

**19.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	140.508.000.000	140.508.000.000
Vốn tăng trong kỳ (*)	56.165.160.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	196.673.160.000	140.508.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*)	56.165.160.000	-

(\*) Năm 2015, Công ty tạm ứng cổ tức số tiền 14.050.800.000 đồng với tỷ lệ 10%/cổ phiếu theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 12/11/2015 và trong kỳ Công ty chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 5:2 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2016.

**19.3 CỔ PHIẾU**

	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.667.316	14.050.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.667.316	14.050.800
Cổ phiếu phổ thông	19.667.316	14.050.800
Số lượng cổ phiếu được mua lại	9.500	2.000
Cổ phiếu phổ thông	9.500	2.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.657.816	14.048.800
Cổ phiếu phổ thông	19.657.816	14.050.800
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**19.4 BẢNG BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>140.508.000.000</b>	-	-	-	<b>140.508.000.000</b>
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	81.034.465.334	81.034.465.334
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.321.483.777)	(4.321.483.777)
- Tạm ứng cổ tức năm 2015	-	-	-	(14.050.800.000)	(14.050.800.000)
- Mua lại cổ phiếu trong năm	-	(28.000.000)	-	-	(28.000.000)
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>140.508.000.000</b>	<b>(28.000.000)</b>	-	<b>62.662.181.557</b>	<b>203.142.181.557</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>	<b>140.508.000.000</b>	<b>(28.000.000)</b>	-	<b>62.662.181.557</b>	<b>203.142.181.557</b>
- Lãi trong kỳ	-	-	-	73.866.594.306	73.866.594.306
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	56.165.160.000	-	-	(56.165.160.000)	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2015 (*)	-	-	7.139.777.265	(7.139.777.265)	-
- Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 (*)	-	-	-	(450.000.000)	(450.000.000)
- Thường Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành (*)	-	-	-	(4.333.080.000)	(4.333.080.000)
- Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016	-	-	-	(1.054.525.000)	(1.054.525.000)
- Mua lại cổ phiếu trong kỳ	-	(105.000.000)	-	-	(105.000.000)
<b>Tại 30/06/2016</b>	<b>196.673.160.000</b>	<b>(133.000.000)</b>	<b>7.139.777.265</b>	<b>67.386.233.598</b>	<b>271.066.170.863</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2015 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2016. Theo đó, Công ty thực hiện trích lập các quỹ, thường Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 5:2, cụ thể cổ đông sở hữu 05 cổ phiếu nhận được 02 cổ phiếu mới.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**20.1 TÀI SẢN THUÊ NGOÀI**

Là tài sản thuê hoạt động với Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP theo Hợp đồng cho thuê tài sản số 20A/HĐ/ACV-SAGS ngày 10/02/2015 với thời hạn thuê từ 01/01/2015 đến 31/12/2015 và các Phụ lục kèm theo Hợp đồng 20A/HĐ/ACV-SAGS. Mục đích thuê trang thiết bị, phương tiện của Công ty là nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

	Tại 30/06/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
<b>Giá trị tài sản thuê ngoài</b>		
Tài sản khác thuê ngoài	55.769.645.734	66.431.214.407
<b>Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:</b>		
Từ 1 năm trở xuống	4.315.181.274	8.216.396.589
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-

**20.2 NGOẠI TỆ CÁC LOẠI**

	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	VND	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ
<b>Ngoại tệ các loại</b>				
Đô la Mỹ (USD)	27.734.960.237	1.245.116,06	31.508.726.537	1.403.506,75
Đô la Singapore (SGD)	4.016.484	244,00	3.864.960	244,00

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
<b>a. Doanh thu</b>	<b>326.014.583.503</b>	<b>261.255.914.868</b>
+ Doanh thu hàng không	318.653.050.692	254.125.008.789
+ Doanh thu phi hàng không	7.361.532.811	7.130.906.079
<b>b. Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>3.379.751.739</b>	<b>3.290.618.879</b>
+ Công ty CP DV Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất	207.476.801	336.668.000
+ Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	3.108.274.938	2.873.950.879
+ Công ty TNHH DV Bảo Dưỡng Máy Bay	64.000.000	-
+ Công ty CP Vận Tài Hàng Không Miền Nam	-	80.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giá vốn dịch vụ	212.171.013.011	178.651.197.094
<b>Cộng</b>	<b>212.171.013.011</b>	<b>178.651.197.094</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	572.710.256	291.830.688
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	882.288.224	1.241.416.982
Lãi do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-	346.025.728
<b>Cộng</b>	<b>1.454.998.480</b>	<b>1.879.273.398</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	785.906.381	288.890.953
- Lỗ do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	189.068.473	-
<b>Cộng</b>	<b>974.974.854</b>	<b>288.890.953</b>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	9.461.828.703	8.911.687.853
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	781.228.611	345.686.292
Chi phí khấu hao TSCĐ	434.985.473	384.516.874
Chi phí thuế phí, lệ phí	4.276.105	14.500.000
Chi phí lập dự phòng	(234.660.228)	26.455.836.355
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.482.885.122	4.854.029.247
Chi phí bằng tiền khác	4.992.797.478	3.940.717.797
<b>Cộng</b>	<b>21.923.341.264</b>	<b>44.906.974.418</b>
<b>b. Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(234.660.228)	-
<b>Cộng</b>	<b>(234.660.228)</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	6.937.752.505	6.855.416.120
Chi phí nhân công	121.197.693.803	96.103.733.677
Khấu hao tài sản cố định	15.600.986.439	10.710.605.797
Chi phí thuế phí, lệ phí	157.865.828	14.500.000
Chi phí lập dự phòng	(234.660.228)	26.455.836.355
Chi phí nhượng quyền khai thác	4.779.795.664	3.813.170.926
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.441.918.450	79.477.361.766
Chi phí bằng tiền khác	213.001.814	127.546.871
<b>Cộng</b>	<b>234.094.354.275</b>	<b>223.558.171.512</b>

**27. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
- Thu bán hồ sơ thầu	25.454.555	5.000.002
- Phạt vi phạm hợp đồng	52.830.000	-
- Thu nhập khác	3.295.735	297.671
<b>Cộng</b>	<b>81.580.290</b>	<b>5.297.673</b>

**28. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Chi phí hồ sơ mời thầu	4.938.000	574.000
Tiền miễn thường theo HĐ bảo hiểm AV14-15/SAGS	64.500.000	-
Chi phí khác	19.088.060	-
<b>Cộng</b>	<b>88.526.060</b>	<b>574.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được Công ty tạm tính theo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016 và sẽ được quyết toán vào cuối năm tài chính.

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Hoàn nhập chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(246.429.957)	-
- Trích dự phòng Transero Airline	(246.429.957)	-
Thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi	20%	-
Hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ	49.285.991	-
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>49.285.991</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**31.1 GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

**31.2 TÀI SẢN ĐẢM BẢO**

*Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Trong kỳ, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

*Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác*

Công ty không nắm giữ tài sản tài chính đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30/06/2016.

**31.3 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

*Rủi ro tỷ giá*

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty có phát sinh giao dịch với các đối tác nước ngoài, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tỷ giá thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm bán khi cần thiết để hạn chế mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Tổng Giám Đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**31.3 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 30/06/2016 như sau:

Tại 30/06/2016	Nguyên tệ		VND tương đương	
	USD	SGD	USD	SGD
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.245.116,06	244,00	27.734.960.237	4.016.484
Phải thu khách hàng	2.576.015,20	-	57.380.738.580	-
Tài sản tài chính khác	879,66	-	19.594.427	-
<b>Cộng</b>	<b>3.822.010,92</b>	<b>244,00</b>	<b>85.135.293.244</b>	<b>4.016.484</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>	<b>92.372</b>	<b>-</b>	<b>2.066.729.550</b>	<b>-</b>
Phải trả phải nộp khác	422	-	9.400.050	-
Nhận ký quỹ ký cược	91.950	-	2.057.329.500	-
<b>Cộng</b>	<b>92.372,00</b>	<b>-</b>	<b>2.066.729.550</b>	<b>-</b>

**Rủi ro lãi suất**

Công ty không chịu rủi ro lãi suất do Công ty không có các khoản vay.

**Rủi ro về giá**

Công ty thực hiện giao dịch với các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty chịu rủi ro về giá nếu yếu tố giá đầu vào của các dịch vụ được cung cấp biến động. Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa phổ biến.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã trích lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

**RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**31.3 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả cũng như trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải thanh toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 30/06/2016</b>				
Phải trả người bán	33.778.647.516	-	-	33.778.647.516
Chi phí phải trả	4.590.418.137	-	-	4.590.418.137
Nợ phải trả khác	1.880.933.100	2.197.061.250	-	4.077.994.350
<b>Cộng</b>	<b>40.249.998.753</b>	<b>2.197.061.250</b>	<b>-</b>	<b>42.447.060.003</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>				
Phải trả người bán	30.288.680.213	-	-	30.288.680.213
Chi phí phải trả	401.460.000	-	-	401.460.000
Nợ phải trả khác	1.895.142.362	-	-	1.895.142.362
<b>Cộng</b>	<b>32.585.282.575</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>32.585.282.575</b>

Ban Tổng Giám Đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám Đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**31.3 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 30/06/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	87.658.145.575	-	-	87.658.145.575
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Phải thu khách hàng	97.816.170.186	-	-	97.816.170.186
Đầu tư dài hạn	-	190.000.000	-	190.000.000
Tài sản tài chính khác	8.543.188.160	-	-	8.543.188.160
<b>Cộng</b>	<b>204.017.503.921</b>	<b>190.000.000</b>	<b>-</b>	<b>204.207.503.921</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền hàng	77.320.460.575	-	-	77.320.460.575
Đầu tư dài hạn	79.592.325.129	-	-	79.592.325.129
Đầu tư dài hạn	-	190.000.000	-	190.000.000
Tài sản tài chính khác	3.494.916.112	-	-	3.494.916.112
<b>Cộng</b>	<b>160.407.701.816</b>	<b>190.000.000</b>	<b>-</b>	<b>160.597.701.816</b>

**32. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**32.1 NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>3.379.751.739</b>	<b>3.290.618.879</b>
- Công ty CP DV Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất	207.476.801	336.668.000
- Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	3.108.274.938	2.873.950.879
- Công ty TNHH DV Bảo Dưỡng Máy Bay Cảng Hàng Không Miền Nam	64.000.000	-
- Công ty CP Vận Tải Hàng Không Miền Nam	-	80.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**32. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**32.1 NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
<b>Mua hàng với các bên liên quan</b>	<b>77.234.946.005</b>	<b>72.569.064.431</b>
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	4.242.695.459	5.307.472.625
- Cảng Hàng Không Quốc Tế Tân Sơn Nhất - CN Tổng Công Ty Cảng Hàng Không VN - CTCP	72.435.890.466	63.767.423.973
- Cảng HK Quốc tế Đà Nẵng -CN Tổng Công Ty Cảng Hàng Không VN - CTCP	-	2.876.263.491
- Công ty CP Thương Mại Hàng Không Miền Nam	61.969.087	17.100.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ HK Sân bay Tân Sơn Nhất	474.563.721	330.304.342
- Công ty CP Vận tải hàng không Miền Nam	8.181.818	270.500.000
- Công ty TNHH DV Bảo Dưỡng Máy Bay Cảng Hàng Không Miền Nam	11.645.454	-

**Số dư các bên liên quan**

	Tại 30/06/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>102.606.920</b>	<b>98.137.939</b>
- Công ty CP DV Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất	38.606.920	56.137.939
- Công ty TNHH DV Bảo dưỡng máy bay Cảng HK Miền Nam	64.000.000	42.000.000
<b>Phải trả người bán</b>	<b>28.302.716.965</b>	<b>25.852.438.229</b>
- Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	2.315.287.332	1.718.527.654
- Cảng Hàng Không Quốc Tế Tân Sơn Nhất - CN Tổng Công Ty Cảng Hàng Không VN - CTCP	25.912.286.833	24.125.850.575
- Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất	65.304.800	3.790.000
- Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Dưỡng Máy Bay Cảng Hàng Không Miền Nam	-	4.270.000
- Công ty CP Thương Mại Hàng Không Miền Nam	9.838.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**32. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**32.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và thu nhập Ban Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Thu nhập Hội đồng quản trị	1.136.128.302	168.000.000
Thu nhập Ban Kiểm soát	448.471.698	90.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng	5.912.680.000	2.280.000.000

**32.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**32.3 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám Đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 của Công ty.

**32.4 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

**33. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty đã được soát xét.


TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu



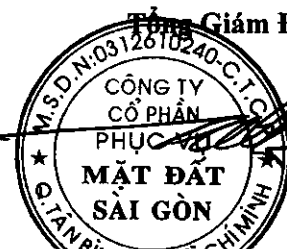
**Đặng Thị Minh Nguyệt**

Kế toán trưởng



**Phùng Danh Nguyên**

Tổng Giám Đốc



**Nguyễn Đình Hùng**